

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/DS-PT  
Ngày 16-01-2024  
“V/v tranh chấp hợp đồng chuyển  
nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Hồng Chương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 75/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 87/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 05, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 353 N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Võ Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 05, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

2. Văn phòng công chứng Vũ Thị Hồng Th; địa chỉ: Số 150 T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Hồng Th; chức vụ: Trưởng Văn phòng – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 07-6-2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:**

Do cần tiền làm ăn nên vợ chồng ông vay Ngân hàng TMCP A Chi nhánh Đắk Lắk (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 250.000.000 đồng và thế chấp thửa đất số 562, tờ bản đồ số 13, diện tích 171m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông (viết tắt là thửa đất số 562), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số X do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 02-6-2017 mang tên Nguyễn Văn Đ. Đến hạn, do không có tiền trả nợ nên vợ ông là bà Võ Thị H vay và nhờ bà Nguyễn Thị Quỳnh T trả tiền cho Ngân hàng để lấy GCNQSDĐ ra. Sau khi lấy GCNQSDĐ ra, bà T yêu cầu ông ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 562 cho bà T với giá 40.000.000 đồng, thực tế đây chỉ là hợp đồng giả tạo để bà T đứng tên vay tiền Ngân hàng trong thời hạn 03 tháng. Hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng vào ngày 28-12-2020 tại Văn phòng công chứng Vũ Thị Hồng Th nhưng không thực hiện thủ tục bàn giao tài sản.

Sau khi hết thời hạn 03 tháng, bà T đến nhà yêu cầu ông phải đưa cho bà T số tiền 386.000.000 đồng thì bà T mới chuyển lại thửa đất cho ông, ông không đồng ý vì ban đầu ông chỉ vay bà T số tiền 250.000.000 đồng. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-12-2020 giữa ông với bà T, ông đồng ý trả lại cho bà T số tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày bà T trả tiền cho Ngân hàng đến ngày xét xử với mức lãi suất 11%/năm.

**Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh T trình bày:**

Do cần tiền để đáo hạn Ngân hàng nên ông Đ, bà H thống nhất chuyển nhượng cho bà thửa đất số 562 với giá 272.712.066 đồng. Ông Đ, bà H có nghĩa vụ lên Văn phòng công chứng Vũ Thị Hồng Th ký hợp đồng chuyển nhượng, sau đó bà và bà H sẽ lên Ngân hàng trả tiền để lấy GCNQSDĐ ra. Bà đã bỏ ra tổng số tiền 272.712.066 đồng để trả cho Ngân hàng (gồm 250.000.000 đồng tiền gốc; 4.295.205 đồng tiền lãi; 1.121.861 đồng tiền lãi phạt quá hạn và 17.295.000 đồng tiền vay tín dụng).

Sau khi chuyển nhượng, do ông Đ, bà H không có nhà ở nên bà tạo điều kiện cho ông Đ, bà H thuê lại nhà. Ngày 05-01-2021, bà và bà H ký hợp đồng thuê nhà thời hạn 06 tháng, điều này chứng minh hai bên đã bàn giao nhà và thanh toán tiền đầy đủ theo hợp đồng chuyển nhượng, hiện tại GCNQSDĐ đã sang tên cho bà nên bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

**Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Bà Võ Thị H: Kết quả xác minh thể hiện bà H đã đi khỏi địa phương, chính quyền địa phương không biết bà H đi đâu, làm gì nên Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập được lời khai của bà H.

- Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng Vũ Thị Hồng Th: Ngày 28-12-2020, Văn phòng công chứng Vũ Thị Hồng Th tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-12-2020 giữa ông Đ, bà H với bà T đối với thửa đất số 562. Hồ sơ đầy đủ giấy tờ, tài liệu; nội dung thỏa thuận không vi phạm đạo đức, không trái pháp luật nên

Công chứng viên công chứng hợp đồng là đúng quy định. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 15-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:*

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 117, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:*

*Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-12-2020 giữa ông Đ với bà T; ông Đ sẽ trả lại cho bà T số tiền gốc 250.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày bà T trả tiền cho Ngân hàng đến ngày xét xử với mức lãi suất 11%/năm.*

*Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 29-8-2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 28-12-2020, giữa ông Đ, bà H với bà T giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 562, tờ bản đồ số 13, diện tích 171m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông, theo GCNQSDĐ số X do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 02-6-2017 mang tên Nguyễn Văn Đ; giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 40.000.000 đồng, hợp đồng đã được công chứng và sang tên cho bà T. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là giao dịch dân sự giả tạo nhằm che giấu giao dịch vay tiền giữa vợ chồng ông với bà T đối với số tiền 250.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Còn bà T cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hoàn toàn tự nguyện giữa các bên và xác định hai bên xác lập hợp đồng chuyển nhượng bằng văn bản trước khi bà T đến Ngân hàng trả nợ thay cho ông Đ và nhận tài sản thế chấp (GCNQSDĐ), không có việc bà cho ông Đ vay tiền để đáo hạn Ngân hàng.

[2.2]. Xét lời khai của các bên đương sự thì thấy:

[2.2.1]. Về việc thương lượng giá của hợp đồng chuyển nhượng: Bà T cho rằng giá các bên thỏa thuận là bằng số tiền nợ của ông Đ tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, nhưng bà T thừa nhận tại thời điểm xác lập hợp đồng bà không biết cụ thể tổng số nợ là bao nhiêu, chỉ biết nợ gốc là 250.000.000 đồng, việc trong hợp đồng ghi số tiền 40.000.000 đồng là không đúng với giá thực tế chuyển nhượng; còn ông Đ cho rằng chỉ vay bà T 250.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng nên không có việc thỏa thuận về giá. Như vậy, với những tình tiết nêu trên có cơ sở xác định các bên xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng văn bản trước thời điểm bà T trả nợ Ngân hàng thay cho ông Đ. Tại thời điểm xác lập hợp đồng chuyển nhượng, bà T không xác định được giá chuyển nhượng cụ thể là bao nhiêu theo quy định tại Điều 398 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất bà T là người trực tiếp trả nợ Ngân hàng thay cho ông Đ theo hợp đồng tín dụng giữa ông Đ với Ngân hàng tổng số tiền 272.712.066 đồng (*gồm 250.000.000 đồng tiền gốc; 4.295.205 đồng tiền lãi; 1.121.861 đồng tiền lãi phạt quá hạn và 17.295.000 đồng tiền vay tín dụng*) và nhận tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 562, tờ bản đồ số 13, diện tích 171m<sup>2</sup>, theo GCNQSDĐ số X do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 02-6-2017 mang tên Nguyễn Văn Đ. Mặt khác, bà T thừa nhận sau 03 tháng bà có yêu cầu ông Đ chuộc lại nhà với số tiền là 386.000.000 đồng. Những tình tiết nêu trên là phù hợp với nội dung tin nhắn bà T nhắn cho ông Đ qua Zalo vào lúc 8 giờ 14 phút ngày 22-4-2021 (*sau thời điểm xác lập hợp đồng chuyển nhượng*) như sau: “*Anh đừng bán cho ai nữa nhé. Em bán cho người ta rồi. Nợ Ngân hàng 300. Tiền lãi 16tr. Nợ ngoài 70tr. Tổng 386tr. Số còn lại em sẽ đưa A hoặc ck cho A*”. Thực tế ông Đ vẫn sử dụng nhà, đất cho đến nay; bà T không khởi kiện yêu cầu ông Đ phải bàn giao nhà, đất theo hợp đồng chuyển nhượng.

[2.3]. Như vậy, mặc dù các bên không xác lập hợp đồng vay tiền bằng văn bản trước khi xác lập hợp đồng chuyển nhượng nhưng với những tình tiết bất thường như: Việc xác lập hợp đồng chuyển nhượng trước thời điểm bà T trả nợ Ngân hàng thay cho ông Đ (*thời điểm đất ông Đ đang thế chấp tại Ngân hàng*) và bà T là người nhận lại tài sản giải chấp từ Ngân hàng để Văn phòng công chứng thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng; các bên có thỏa thuận thời hạn bà T cho ông Đ chuộc lại nhà, đất, vấn đề này được chứng minh bởi sau 03 tháng bà T đã yêu cầu ông Đ trả cho bà T số tiền 386.000.000 đồng để bà T sang tên lại nhà, đất cho ông Đ nhưng ông Đ không chấp nhận vì cho rằng số tiền bà T yêu cầu chênh lệch lớn hơn nhiều so với số tiền bà T bỏ ra là 272.712.066 đồng; thực tế ông Đ vẫn sử dụng nhà, đất cho đến nay nhưng bà T không khởi kiện... đã có đủ căn cứ để kết luận việc các bên xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-12-2020 đối với thửa đất số 562 là giả tạo nhằm che giấu giao dịch vay tiền nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-12-2020 vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 124 của Bộ luật Dân sự; giao dịch vay số tiền 272.712.066 đồng bị che giấu có hiệu lực. Căn cứ phần nhận định của bản án này, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu ông Đ trả nợ gốc và lãi trong trường hợp ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho bà T. Do vậy, việc cấp sơ thẩm xác định hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực

pháp luật và bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với bà T là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, khách quan và chính xác nên cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng.

[2.4]. Mặc dù bà T không có phản tố yêu cầu ông Đ trả nợ số tiền vay nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ tự nguyện trả cho bà T số tiền nợ gốc là 272.712.066 đồng và trả lãi suất bằng 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự từ ngày 28-12-2020 đến nay với số tiền là 177.287.934 đồng, tổng cộng là 450.000.000 đồng là phù hợp và nhằm giải quyết toàn diện, triệt để vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ về việc trả nợ gốc và tiền lãi nêu trên cho bà T.

[2.5]. Từ những vấn đề nhận định, phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Đ là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-12-2020 giữa ông Đ, bà H với bà T vô hiệu do giả tạo và ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ về việc trả nợ cho bà T số tiền vay gốc và lãi là 450.000.000 đồng.

[2.6]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng. Ông Đ, bà H và bà T đều biết rõ hợp đồng chuyển nhượng là giao dịch giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản nhưng vẫn đồng ý giao kết hợp đồng chuyển nhượng nên hai bên có lỗi ngang nhau dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu. Do đó, cần buộc mỗi bên phải chịu  $\frac{1}{2}$  chi phí tố tụng. Do ông Đ đã nộp tạm ứng nên cần buộc bà T phải thanh toán cho ông Đ số tiền 1.500.000 đồng.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng; trả lại cho ông Đ số tiền 6.550.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[4.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2023/DS-ST ngày 15-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ các Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 117, khoản 1 Điều 124, Điều 131 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ:**

**1.1.** Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28-12-2020 giữa ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị H với bà Nguyễn Thị Quỳnh T đối với thửa đất số 562, tờ bản đồ số 13, diện tích 171m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 02-6-2017 mang tên Nguyễn Văn Đ, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông là vô hiệu do giả tạo.

*Căn cứ vào phần quyết định của bản án, ông Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.*

**1.2.** Ghi nhận ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện trả nợ cho bà Nguyễn Thị Quỳnh T theo giao dịch vay tiền ngày 28-12-2020 với số tiền nợ gốc là 272.712.066đ (hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm mười hai nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng) và tiền lãi là 177.287.934đ (một trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng), tổng cộng là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.*

## **2. Về chi phí tố tụng:**

**2.1.** Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ số tiền này tại Tòa án cấp sơ thẩm.

**2.2.** Bà Nguyễn Thị Quỳnh T phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Do ông Nguyễn Văn Đ đã nộp tạm ứng nên buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh T phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

## **3. Về án phí:**

### **3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 6.550.000đ (sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Y ngày 14-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

**3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 07-9-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

## **4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9*

*của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên, đóng dấu)*

**Nguyễn Anh Ứng**